

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2020/DS-ST

Ngày: 22-9-2020

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tài

2. Ông Trần Văn Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Minh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H: không tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng L.** Trụ sở: Tòa nhà Capital Tower, Số 109 T, phường C, quận H, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông S - Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền lại: Ông T - Cán bộ Ngân hàng L- Chi nhánh K (theo văn bản ủy quyền số 931/2020/QĐ-LPB.KG của Giám đốc chi nhánh K). Địa chỉ liên hệ: Số C9- 19 đường L, phường V, thành phố R, tỉnh K(có mặt).

- *Bị đơn:* Ông **K**, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện H, tỉnh K (vắng mặt, có yêu cầu xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 6 năm 2020, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ngày 01/7/2016, ông K đã ký kết Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ số 4036/2016/KG/HĐTD- L ngày với Ngân hàng L- Chi nhánh K (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) để vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), phương thức cho vay từng lần, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất cho vay ban đầu 12,5%/ năm. Phương thức thanh toán: trả gốc hàng tháng vào ngày 10, chia thành 60 kỳ, 59 kỳ đầu mỗi kỳ trả 1.650.000 đồng,

kỳ cuối trả 2.650.000 đồng, kỳ đầu tiên trả vào ngày 10/8/2016; trả lãi cùng với kỳ trả gốc theo dư nợ gốc giảm dần.

Sau khi ký hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã thực hiện việc giải ngân toàn bộ số tiền trên cho ông K, đồng thời ông K ký xác nhận nợ với Ngân hàng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông K đã trả được số tiền gốc 69.278.610 đồng và tiền lãi 29.702.979 đồng. Tuy nhiên, kể từ tháng 01/2020 thì ông K ngưng trả. Ngân hàng đã đôn đốc, nhắc nhở nhiều lần và tạo điều kiện cho ông K khắc phục trả gốc và lãi những kỳ (tháng) vi phạm nhưng ông không thực hiện, do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên chấm dứt Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 4036/2016/KG/HĐTD- L ngày 01/7/2016, buộc ông K phải trả toàn bộ số tiền gốc còn lại và tiền lãi theo hợp đồng tính đến ngày 19/5/2020 là 32.192.816 đồng (ba mươi hai triệu một trăm chín mươi hai ngàn tám trăm mười sáu đồng), trong đó tiền gốc là 30.721.390 đồng và tiền lãi là 1.471.426 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo hợp đồng từ ngày 19/5/2020 cho tới khi trả hết nợ vay.

Bị đơn ông K trình bày: Ông có vay Ngân hàng L - chi nhánh K số tiền 100.000.000 đồng với các điều khoản thỏa thuận về trả gốc, lãi như Ngân hàng trình bày. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông thực hiện trả nợ gốc và lãi đúng hạn cho đến hết ngày 10/12/2019, nhưng kể từ tháng 01/2020 ông không thấy nhân viên ngân hàng điện thoại nhắc ông trả nợ, nên ông lầm tưởng do dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp- Covid 19 nên ngân hàng cho tạm ngưng trả nợ. Vào tháng 3/2020, ông đã khắc phục trả tiền gốc được 01 kỳ và tiền lãi trong tháng, nhưng sau đó ông không khắc phục được hết số tiền gốc và lãi các tháng vi phạm còn lại. Nay do hoàn cảnh khó khăn, tiền lương của ông nhận được không đủ khắc phục trả nợ quá hạn cho ngân hàng nên ông đề nghị ngân hàng xem xét cho ông tiếp tục thực hiện hợp đồng như đã ký kết là trả gốc và lãi định kỳ hàng tháng.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc ông K phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 22/9/2020 là 33.978.585 đồng (ba mươi ba triệu chín trăm bảy mươi tám ngàn năm trăm tám mươi lăm đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn K, ông K có yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông K.

Ngân hàng Ngân hàng L - chi nhánh K khởi kiện ông K yêu cầu trả số tiền gốc và lãi vay ngân hàng, ông K có nơi cư trú tại ấp B, xã B, huyện H, tỉnh K, nên căn cứ theo quy định tại khoản 3, Điều 26, điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự tranh chấp phát sinh giữa hai bên là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

[2] Xét hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 4036/2016/KG/HĐTD- L ngày 01/7/2016 được ký kết giữa Ngân hàng L- chi nhánh K với ông K là hợp đồng

vay có lãi, có kỳ hạn trả nợ, lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng và Điều 468 Bộ luật Dân sự, xét thấy hợp đồng tín dụng là sự thỏa thuận tự nguyện giữa các bên, nội dung và hình thức của hợp đồng không trái đạo đức và không trái với quy định của pháp luật, do đó hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật, phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia ký kết hợp đồng.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi ký hợp đồng, Ngân hàng đã tiến hành giải ngân cho ông K số tiền vay 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), ông K đã nhận đủ tiền và ký nhận nợ ngày 01/7/2016. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông K trả được số tiền gốc 69.278.610 đồng và tiền lãi 29.702.979 đồng, nhưng từ tháng 01/2020 đến nay ông K vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi theo định kỳ được quy định tại Điều 7 của hợp đồng, do đó Ngân hàng có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và thu hồi nợ trước hạn. Vì vậy, căn cứ vào các quy định tại Điều 91, điểm a, khoản 3, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng và các điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng về việc buộc ông K phải có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng số tiền gốc và lãi là tính đến ngày 22/9/2020 là 33.978.585 đồng (ba mươi ba triệu chín trăm bảy mươi tám ngàn năm trăm tám mươi lăm đồng), trong đó tiền gốc là 30.721.390 đồng và tiền lãi là 3.257.195 đồng.

[4] Xét yêu cầu của ông K về việc xin trả nợ dần theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng nhưng không được ngân hàng chấp nhận nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông.

[5] Về án phí, do yêu cầu đòi tiền gốc và lãi của Ngân hàng được chấp nhận nên căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; các điều 463, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng L.

Buộc ông K phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng L- chi nhánh K số tiền gốc 30.721.390 đồng và tiền lãi là 3.257.195 đồng, cộng gốc và lãi là 33.978.585 đồng (ba mươi ba triệu chín trăm bảy mươi tám ngàn năm trăm tám mươi lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông K còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông K vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Ông K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.699.000 đồng (một triệu sáu trăm chín mươi chín ngàn đồng).

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng L - chi nhánh K là 800.000 đồng (tám trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001032 ngày 01/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng bị đơn ông K vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Mai